TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 10 - 2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Ông Phùng Hiếu Trung.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H - sinh năm: 1990 (*có mặt*).

Địa chỉ: số 23/1, ấp P, xã T, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Thanh S - sinh năm: 1963 (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ (*ĐKHKTT*): số140, đường Nguyễn Thái Học, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ (*tạm trú*): Nhà không số (*kế nhà số 04*), ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị H và ông S quen biết nhau được vài ngày thì về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010, không có tổ chức đám cưới do không

có tiền làm đám cưới, không có đăng ký kết hôn do không am hiểu về pháp luật. Sau khi chung sống như vợ chồng, cả hai về sống tại nhà cha mẹ của ông S tại xã T, Thành phố S. Chị H và ông S chung sống hạnh phúc cho đến giữa tháng 02 năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do trước khi tiến đến hôn nhân cả chị H và ông S đều không có tìm hiểu kỹ nên sau khi về chung sống, vợ chồng không hợp ý nhau, chênh lệch về tuổi tác, ông S thường hay nhậu, đánh chị H làm cho cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ nhau; chị H nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn tiếp tục chung sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2015 đến nay.

Nay, chị H xác định không còn tình cảm với ông S, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với ông S không có hạnh phúc, chị không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho ông S. Chị H yêu cầu được ly hôn ông S.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Lê Lan T - sinh ngày: 19/3/2011 (*hiện đang sống với ông S*). Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu T cho ông S được tiếp tục nuôi dưỡng; chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là không có, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là ông Huỳnh Thanh S trình bày*:**

- Về hôn nhân: Ông S thống nhất theo lời trình bày của chị H về thời gian quen biết, tìm hiểu, vợ chồng chung sống không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn.

Ông S thừa nhận là trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hợp ý nhau và do khoảng cách tuổi tác quá lớn nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ tháng 5 năm 2015 đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa.

Nay ông S xác định không còn tình cảm với chị H, cuộc sống hôn nhân với chị H không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Ông S đồng ý ly hôn chị H.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Lê Lan T - sinh ngày: 19/3/2011 (*hiện đang sống với ông S*). Khi ly hôn, ông S yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T; ông S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông S xác định là không có, ông S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị H, ông S là cháu Huỳnh Lê Lan T trình bày*:** Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cháu T có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Huỳnh Thanh S.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh Huỳnh Thanh S.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị H và ông Huỳnh Thanh S.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Lê Lan T - sinh ngày: 19/3/2011 (*hiện đang sống với ông S*); đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu T cho ông S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự đều không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Thanh S là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là ông Huỳnh Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Huỳnh Thanh S.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và ông Huỳnh Thanh S chung sống như vợ chồng từ năm 2010, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…".

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*".

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 đến nay, chị H và ông S phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị H và ông S đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và ông S không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung với nhau, giữa chị H và ông S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không được hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai. Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống như vợ chồng với ông S và có yêu cầu được ly hôn ông S. Về phía ông S cũng không muốn tiếp tục chung sống như vợ chồng với chị H; ông S xác định cuộc sống hôn nhân với chị H không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, ông S không còn tình cảm với chị H và đồng ý ly hôn chị H. Tuy nhiên, do chị H và ông S không đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*".

Do đó, xét yêu cầu của chị H yêu cầu ly hôn ông S là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung tên Huỳnh Lê Lan T - sinh ngày: 19/3/2011 (*hiện đang sống với ông S*). Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu T cho ông S được tiếp tục nuôi dưỡng; chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu T - sinh ngày: 19/3/2011 hiện đang có cuộc sống ổn định với ông S có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nguyện vọng của cháu T cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với ông S. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu T cho ông S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu T trong sinh hoạt, học tập. Chị H được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Do ông S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị H và ông S cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị H và ông Huỳnh Thanh S.

2. Về nuôi con chung: Ông Huỳnh Thanh S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Lê Lan T - sinh ngày: 19/3/2011 (*hiện đang sống với ông S*). Ông S không yêu cầu chị Lê Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp ngày 04/9/2019 theo biên lai thu số 0009922 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Thanh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS TP. S;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

Trần Quốc Danh